TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 126/BC-LĐLĐ

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO
Kết quả công tác quản lý sử dụng biên chế giai đoạn 2022-2024

Thực hiện Công văn số 5633-CV/BTCTU ngày 29/7/2024 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Ngãi về báo cáo kết quả công tác quản lý biên chế giai đoạn 2022-2024, Liên đoàn Lao động tỉnh báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Hiện nay Liên đoàn Lao động tỉnh có 4 Ban chuyên môn, 02 đơn vị sự nghiệp (Nhà Văn hóa Lao động và Quỹ Trợ vốn công nhân, viên chức, lao động nghèo tự tạo việc làm), 17 đơn vị Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở (*gồm 13 LĐLĐ huyện, thị xã, thành phố và 04 Công đoàn ngành và tương đương*); 08 Công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh, toàn tỉnh có có 101.552 đoàn viên/112.424 công nhân, viên chức, lao động sinh hoạt tại 1.216 Công đoàn cơ sở, có 64 biên chế cán bộ Công đoàn chuyên trách.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Liên đoàn Lao động tỉnh hằng năm lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động công đoàn và phong trào công nhân viên chức lao động đạt được nhiều kết quả quan trọng; quan tâm chăm lo cho đoàn viên theo hướng hiệu quả và thiết thực, tiếp tục hướng về cơ sở, đẩy mạnh xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại các đơn vị, doanh nghiệp, trong đó công tác quản lý, sử dụng biên chế chuyên trách Công đoàn giai đoạn 2022-2024 luôn được quan tâm thực hiện.

2. VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

2.1. Về công tác quán triệt, triển khai

- Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; Quy định số 70-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; Quyết định số 71-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; Quyết định số 72-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026; Công văn số 4208-CV/BTCTW ngày 04/10/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về việc quản lý biên chế, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Quy định số 125-QĐ/TU, ngày 29/12/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 152-QĐ/TU, ngày 08/02/2021 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi Phê duyệt Đề án thực hiện thí điểm bố trí, sử dụng, tuyển dụng và quản lý công chức gắn với vị trí việc làm cơ quan chuyên trách Liên đoàn Lao động tỉnh; Kết luận số 1463-KL/TU ngày 30/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về biên chế của hệ thống chính trị tỉnh giai đoạn 2022-2026 và biên chế năm 2023; Thông báo số 654-TB/BTCTU về giao chỉ tiêu biên chế giai đoạn 2022-2026; Thông báo số 655-TB/BTCTU ngày 13/12/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về giao chỉ tiêu biên chế năm 2023, Thông báo số 844-TB/BTCTU ngày 23/11/2023 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Ngãi giao chỉ tiêu biên chế năm 2024, Đảng đoàn, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức triển khai các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác quản lý, thực hiện biên chế giai đoạn 2022-2026 đến các cấp Công đoàn trong tỉnh, từ đó các cấp công đoàn chủ động thực hiện nhiệm vụ với biên chế được giao.

2.2. Về kiểm tra, giám sát công tác quản lý biên chế của cơ quan

Trên cơ sở giao chỉ tiêu biên chế giai đoạn 2022-2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng đoàn LĐLĐ tỉnh tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát công tác quản lý biên chế tại cơ quan LĐLĐ tỉnh, LĐLĐ các huyện, thị xã, thành phố, Công đoàn ngành và tương đương đảm bảo theo quy định.

3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

3.1. Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách.

a. Căn cứ, nguyên tắc, tiêu chí và phương thức (cách) giao biên chế.

Sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt Đề án vị trí việc làm tại Quyết định số 152-QĐ/TU, ngày 08/02/2021 về thực hiện thí điểm bố trí, sử dụng, tuyển dụng và quản lý công chức gắn với vị trí việc làm cơ quan chuyên trách Liên đoàn Lao động tỉnh. Trên cơ sở biên chế được giao hàng năm, Đảng đoàn LĐLĐ tỉnh xem xét giao cho Cơ quan LĐLĐ tỉnh và 17 công đoàn cấp trên trực tiếp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn hoạt động của đơn vị.

b. Giao biên chế giai đoạn 2022-2026.

- Năm 2022 Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao 67 biên chế theo Quyết định số 152-QĐ/TU, ngày 08/02/2021 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

- Năm 2023 Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao 66 biên chế theo Thông báo số 655-TB/BTCTU ngày 13/12/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Năm 2024 Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao 64 biên chế theo Thông báo số 844-TB/BTCTU ngày 23/11/2023 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Năm 2026 Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao 60 biên chế theo Thông báo số 654-TB/BTCTU ngày 13/12/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Đến năm 2026 giảm 07 biên chế so với năm 2021 theo phân bổ chỉ tiêu biên chế của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

3.2. Số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp.

Hiện nay Liên đoàn Lao động tỉnh quản lý 02 đơn vị sự nghiệp đó là: Nhà Văn hóa Lao động và Quỹ Trợ vốn công nhân, viên chức, lao động nghèo tự tạo việc làm, trong thời gian qua hai đơn vị sự nghiệp này chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm, giao biên chế viên chức, chỉ có hợp đồng lao động (Nhà Văn hóa Lao động 08 nhân viên hợp đồng, Quỹ Trợ vốn công nhân, viên chức, lao động nghèo 03 nhân viên hợp đồng). Hiện tại đang xây dựng Đề án sáp nhập Nhà Văn hóa Lao động và 02 nhà khách thành Trung tâm Văn hóa Thể thao và Du lịch Công đoàn tỉnh đang trình các cơ quan chức năng phê duyệt.

3.3. Việc tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của cơ quan, tổ chức, địa phương

- Từ năm 2022 đến nay đã tiếp nhận 14 biên chế (thay thế cho các đồng chí về hưu và chuyển công tác khác).

- Năm 2023 tuyển dụng 01 công chức tại LĐLĐ huyện Ba Tơ.

3.4. Tình hình thực hiện biên chế hiện nay.

- Liên đoàn Lao động tỉnh hiện có 64 cán bộ, công chức, trong đó: Tại cơ quan LĐLĐ tỉnh có 23 CB,CC; cơ quan LĐLĐ cấp huyện, ngành và tương đương: 41 CB,CC, có trình độ sau đại học 19 Đ/c chiếm 29,7%; Đại học 45 Đ/c chiếm 70,3%; trình độ LLCT: Cao cấp 32 Đ/c; Trung cấp 28 Đ/c; Sơ cấp 04 Đ/c; QLNN: Chuyên viên Cao cấp 04 Đ/c, Chuyên viên chính 31 Đ/c, Chuyên viên 29 Đ/c; Lý luận Nghiệp vụ công đoàn 64 Đ/c, Quốc phòng- An ninh 55 Đ/c, trình độ ngoại ngữ tin học: 64 Đ/c, Hiện đang hưởng ngạch ngạch Chuyên viên chính 24 người, Chuyên viên 39 người, cán sự 01 người.

- Tại cơ quan LĐLĐ tỉnh có 23 CB,CC (giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 11 đ/c; không giữ chức vụ: 12 đ/c); có trình độ sau đại học 05 Đ/c chiếm 25%, Đại học 18 Đ/c chiếm 75%, trình độ LLCT: Cao cấp 11 Đ/c, Trung cấp 10 Đ/c, Sơ cấp 02 Đ/c, QLNN: Chuyên viên Cao cấp 03 Đ/c, Chuyên viên chính 12 Đ/c, Chuyên viên 08 Đ/c; Lý luận Nghiệp vụ công đoàn 23 Đ/c, Quốc phòng- An ninh 23 Đ/c, trình độ ngoại ngữ tin học: 23 Đ/c, Hiện đang hưởng ngạch Chuyên viên chính 10 người, Chuyên viên 13 người.

- Cán bộ, công chức LĐLĐ cấp huyện, ngành và tương đương: 41 CB,CC (giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 31 đ/c; không giữ chức vụ: 10 đ/c), có trình độ sau đại học 14 Đ/c chiếm 34,1%, Đại học 27 Đ/c chiếm 66%, trình độ LLCT: Cao cấp 21 Đ/c, Trung cấp 18 Đ/c, Sơ cấp 02 Đ/c, QLNN: Chuyên viên Cao cấp 01 Đ/c, Chuyên viên chính 19 Đ/c, Chuyên viên 21 Đ/c; Lý luận Nghiệp vụ công đoàn 41 Đ/c, Quốc phòng- An ninh 41 Đ/c, trình độ ngoại ngữ tin học: 41 Đ/c, Hiện đang hưởng ngạch ngạch Chuyên viên chính 14 người, Chuyên viên 26 người, cán sự 01 người.

- Hợp đồng 02 đơn vị sự nghiệp: 11 người (*Nhà Văn hóa Lao động 08 người; Quỹ Trợ vốn công nhân, viên chức, lao động nghèo tự tạo việc làm 03 người*).

4. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Từ năm 2015 đến nay, số lượng chỉ tiêu biên chế tại cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên đoàn Lao động các huyện, thị xã, thành phố, Công đoàn ngành và tương đương giảm 11 người (từ 75 người còn 64 người). Đồng thời tiếp tục tinh giản đến năm 2026 còn 60 chỉ tiêu biên chế (*theo Thông báo số 654-TB/BTCTU ngày 13/12/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy*).

- Hiện nay, việc bố trí, sử dụng biên chế gặp nhiều khó khăn: 11 đơn vị trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh chỉ có 02 biên chế; vì vậy không đủ điều kiện hình thành một đơn vị theo quy định cũng như để phân cấp quản lý tài chính, ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức công đoàn và phong trào CNVCLĐ, nhất là liên quan đến công tác quản lý tài chính Công đoàn.

- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ gặp khó khăn, nhất là kinh phí chi trả tiền công cho các hợp đồng bị ảnh hưởng đến hoạt động chi thường xuyên của đơn vị.

5. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề xuất với Ban Tổ chức Trung ương sớm hướng dẫn việc quản lý, giao biên chế đối với cơ quan Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, cấp huyện được quy định trong Quy định 212-QĐ/TW, ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

- Tổ chức Công đoàn với vị trí, vai trò trong tình hình hiện nay; có nhiều nhiệm vụ mới phát sinh, số lượng đoàn viên, người lao động trong tỉnh tăng nhanh, trên 101.552 đoàn viên. Vì vậy kính đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy quan tâm, xem xét chủ trương giao tăng thêm biên chế (vị trí việc làm) cho Liên đoàn Lao động tỉnh, để đảm bảo bố trí tại Liên đoàn Lao động cấp huyện, ngành tối thiểu 03 biên chế/đơn vị nhằm đảm bảo triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác quản lý, sử dụng biên chế Công đoàn Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2024, Liên đoàn Lao động tỉnh báo cáo Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
- Lưu: VT, Ban Tổ chức-Kiểm tra.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Phúc Nhân

PHỤ LỤC 1A: TÌNH HÌNH QUẢN LÝ BIÊN CHẾ LĐLĐ TỈNH NĂM 2024

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2024 (theo QĐ giao của địa phương)				Tăng, giảm so với số biên chế địa phương giao năm 2023				Biên chế có mặt tại thời điểm 30/6/2024				Biên chế chưa sử dụng tại thời điểm 30/6/2024				Số biên chế còn thiếu so với quy định năm 2024				Số biên chế còn thiếu so với quy định đến hết năm 2026			
		Tổng	Công chức	Viên chức		Tổng	Công chức	Viên chức		Tổng	Công chức	Viên chức		Tổng	Công chức	Viên chức		Tổng	Công chức	Viên chức hưởng lương từ NSNN	Số biên chế theo định mức, quy định (nêu rõ tên quy định)	Tổng	Công chức	Viên chức hưởng lương từ NSNN	Số biên chế theo định mức, quy định (nêu rõ tên quy định)
				Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NSNN								
Tổng (I+II)																									
I	KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ																								
1	LĐLĐ tỉnh	64	64			66	66			64	64			0				0				0			

Lưu ý: **Biên chế viên chức tổng hợp theo đầu mối cơ quan (đối với cấp tỉnh), địa phương (đối với cấp huyện) quản lý: Ví dụ: biên chế viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT thì tổng hợp theo đầu mối Sở NN&PTNT; biên chế viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện quản lý thì tổng hợp theo đầu mối cấp huyện (trừ biên chế của trường THPT thì tổng hợp theo đầu mối Sở Giáo dục và Đào tạo, biên chế viên chức trung tâm y tế nếu thuộc Sở Y tế thì tổng hợp theo đầu mối Sở Y tế).**



PHỤ LỤC 2: SỐ LƯỢNG CÔNG CHỨC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NSNN LĐLĐ TỈNH
GIẢM TỪ 01/01/2022 ĐẾN 30/6/2024

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế giảm			LÝ DO												
		Tổng số	Công chức	Viên chức	Nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định			Thực hiện chính sách tinh giản biên chế			Thôi việc			Số viên chức chuyển từ hưởng lương NSNN sang NTSN	Lý do khác (*nêu cụ thể*)		
					Tổng	Công chức	Viên chức	Tổng	Công chức	Viên chức	Tổng	Công chức	Viên chức		Tổng	Công chức	Viên chức
I	**CƠ QUAN Ở TW**																
II	**ĐỊA PHƯƠNG**																
1	LĐLĐ tỉnh	3	3	0				3	3		0			0			

Lưu ý: **Cơ quan, đơn vị ở Trung ương tổng hợp theo Mục I. Các địa phương tổng hợp theo Mục II**

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, TUYỂN DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NSNN CỦA LĐLĐ TỈNH

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Năm 2021 *(Số CB, CC, VC có quyết định tuyển dụng, tiếp nhận từ 01/1/2021 đến 31/12/2021)*						Năm 2022 đến 2024 *(Tính từ 01/01/2022 đến 30/6/2024)*						Dự kiến năm 2025, 2026 (*nếu có*)					
		Tuyển dụng			Tiếp nhận			Tuyển dụng			Tiếp nhận			Tuyển dụng			Tiếp nhận		
		Tổng	Cán bộ, công chức	Viên chức	Tổng	Cán bộ, công chức	Viên chức	Tổng	Cán bộ, công chức	Viên chức	Tổng	Cán bộ, công chức	Viên chức	Tổng	Cán bộ, công chức	Viên chức	Tổng	Cán bộ, công chức	Viên chức
II	**ĐỊA PHƯƠNG**																		
1	**Khối Đảng, đoàn thể**																		
1.1	**LĐLĐ tỉnh**				*4*	*4*		*1*	*1*		*14*	*14*							
2	**Khối CQĐP**	*(Không phải thống kê số liệu năm 2021)*																	
2.1	**Cấp tỉnh**																		
a)	HĐND																		
b)	UBND																		
-	Sở A																		
-	Sở B																		
...	...																		
2.2	**Cấp huyện**																		
a)	Huyện A																		
-	HĐND																		
-	UBND																		
b)	Huyện B																		
-	HĐND																		
-	UBND																		
...	...																		

Lưu ý: **Cơ quan ở Trung ương tổng hợp theo Mục I. Các địa phương tổng hợp theo Mục II**



PHỤ LỤC 8: BIÊN CHẾ CÔNG ĐOÀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

STT	Tên tổ chức công đoàn	Số biên chế công đoàn được giao từ các nguồn												Số biên chế có mặt tại thời điểm 30/6/2024					Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm 30/6/2024																	
		Tổng số	Do BTV tỉnh ủy, thành ủy giao từ nguồn biên chế của Ban TCTW giao			Do BTV tỉnh ủy, thành ủy giao từ nguồn biên chế công đoàn BCT tạm giao			Từ nguồn Tổng LĐLĐ VN hoặc nguồn khác giao (*nếu có thì ghi rõ*)									Tổng số					Biên chế chưa sử dụng từ nguồn biên chế Ban TCTW giao					Biên chế chưa sử dụng từ nguồn biên chế Bộ Chính trị tạm giao					Biên chế chưa sử dụng từ nguồn Tổng LĐLĐ Việt Nam và nguồn khác				
			Tổng	Công chức	Viên chức	Tổng	Công chức	Viên chức	Tổng	Công chức	Viên chức	Hợp đồng		Tổng	Công chức	Viên chức	Hợp đồng (*hưởng lương từ quỹ lương biên chế*)		Tổng	Công chức	Viên chức	Hợp đồng (*hưởng lương từ quỹ lương biên chế*)		Tổng	Công chức	Viên chức	Hợp đồng (*hưởng lương từ quỹ lương biên chế*)		Tổng	Công chức	Viên chức	Hợp đồng (*hưởng lương từ quỹ lương biên chế*)	
												Hợp đồng 68	Hợp đồng khác				Hợp đồng 111	Hợp đồng khác				Hợp đồng 68	Hợp đồng khác				Hợp đồng 68	Hợp đồng khác				Hợp đồng 68	Hợp đồng khác				Hợp đồng 68	Hợp đồng khác
Tổng (I+II)		**64**	**64**	**64**										**64**	**64**	**0**	**4**																			
I	**Co quan Liên đoàn Lao động cấp tỉnh**	**23**	**23**	**23**	**0**	**0**			**0**					**23**	**23**	**0**	**4**																			
II	**Liên đoàn Lao động cấp huyện và tương đương (1 + 2 + 3 + 4)**	**41**	**41**	**41**										**41**	**41**																					
1	**Liên đoàn lao động cấp huyện**	**32**	**32**	**32**										**32**	**32**																					
1.1	LĐLĐ thành phố Quảng Ngãi	4	4	4										4	4																					
1.2	LĐLĐ thị xã Đức Phổ	3	3	3										3	3																					
1.3	LĐLĐ huyện Bình Sơn	3	3	3										3	3																					
1.4	LĐLĐ huyện Tư Nghĩa	2	2	2										2	2																					
1.5	LĐLĐ huyện Mộ Đức	3	3	3										3	3																					
1.6	LĐLĐ huyện Sơn Tịnh	2	2	2										2	2																					
1.7	LĐLĐ huyện Ba Tơ	2	2	2										2	2																					
1.8	LĐLĐ huyện Sơn Hà	2	2	2										2	2																					
1.9	LĐLĐ huyện Nghĩa Hành	2	2	2										2	2																					
2.0	LĐLĐ huyện Lý Sơn	2	2	2										2	2																					
2.1	LĐLĐ huyện Trà Bồng	3	3	3										3	3																					
2.2	LĐLĐ huyện Sơn Tây	2	2	2										2	2																					
2.3	LĐLĐ huyện Minh Long	2	2	2										2	2																					
2	**Công đoàn ngành địa phương**	**6**	**6**	**6**										**6**	**6**																					
2.1	Công đoàn Ngành Y tế	2	2	2										2	2																					
2.2	Công đoàn Viên chức	2	2	2										2	2																					
2.3	Công đoàn ngành Giáo dục	2	2	2										2	2																					
3	**Công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất**	**3**	**3**	**3**										**3**	**3**																					
3.1	*Công đoàn KKT DQ & các KCN Quảng Ngãi*	3	3	3										3	3																					